ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3644 /QĐ-UBND	*Tiền Giang, ngày 22 tháng 12 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nạo vét các kênh, rạch để trữ nước ngọt phục vụ phòng chống hạn mặn của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương này 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nạo vét kênh, rạch để trữ nước ngọt phục vụ phòng chống hạn mặn tại Biên bản phiên họp chính thức của Hội đồng thẩm định (Hội đồng họp vào ngày 01 tháng 10 năm 2021);

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nạo vét kênh, rạch để trữ nước ngọt phục vụ phòng chống hạn mặn đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm theo Văn bản số 4713/SNN&PTNT-KHTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 5071/TTr-STNMT ngày 20 tháng 12 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nạo vét kênh, rạch để trữ nước ngọt phục vụ phòng chống hạn mặn của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện tại huyện Gò Công Đông, thị xã Gò Công, huyện Gò Công Tây và huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có các trách nhiệm sau đây:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Công an tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Đông, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Gò Công, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Chợ Gạo và Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ TN&MT;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu: VT, Nguyên.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Văn Trọng

PHỤ LỤC

Các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án Nạo vét các kênh, rạch để trữ nước ngọt phục vụ phòng chống hạn mặn

(Kèm theo Quyết định số 3644 /QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang)

1. Thông tin về dự án

- Tên dự án: Nạo vét các kênh, rạch để trữ nước ngọt phục vụ phòng chống hạn mặn.

- Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Tiền Giang.

- Địa điểm thực hiện dự án: Dự án nằm trên địa bàn huyện Gò Công Đông, huyện Gò Công Tây, huyện Chợ Gạo và thị xã Gò Công.

- Khối lượng hạng mục: Tổng khối lượng vật chất nạo vét là 1.063.600m^3

- Phạm vi của dự án: Nạo vét các kênh cấp I bao gồm Kênh Hóc Lựu và tuyến nhánh kênh Hóc Lựu; kênh Cộng Đồng - rạch Đào và tuyến nhánh; kênh Tổng Châu - Hội Đồng Huyền; kênh Rạch Lá; rạch Kiến; rạch Lá; rạch Hưu và tuyến nhánh; rạch Đung; rạch Rầm Vé; rạch Gò Gừa và tuyến nhánh.

- Quy mô và các hạng mục chính của dự án: Nạo vét 10 kênh, rạch

TT	Tên kênh/rạch	Chiều dài (m)	Khối lượng (m^3)
1	Kênh chính Hóc Lựu	3.829	120.076
	Tuyến nhánh N1 kênh Hóc Lựu	993	
	Tuyến nhánh N2 kênh Hóc Lựu	989	
2	Kênh Cộng Đồng – rạch Đào	6.769	45.619
	Tuyến nhánh N1 kênh Cộng Đồng –rạch Đào	463	
	Tuyến nhánh N2 kênh Cộng Đồng – rạch Đào	262	
3	Rạch Kiến	7.530	143.833
4	Rạch Lá	3.555	35.845
5	Rạch Hưu	2.205	115.335
	Tuyến nhánh N1 rạch Hưu	1.925	
6	Rạch Đung	3.863	43.565
7	Rạch Rầm Vé	4.744	115.382
8	Rạch Gò Gừa	8.428	229.016

TT	Tên kênh/rạch	Chiều dài (m)	Khối lượng (m^3)
	Tuyến nhánh rạch Gò Gừa	200	
9	Kênh Tổng Châu – Hội Đồng Huyền	11.654	191.712
10	Kênh Rạch Lá	3.466	23.219
Tổng cộng			**1.063.600**

- Quy trình thi công các hạng mục: Trình tự thi công nạo vét kênh được trình bày theo sơ đồ sau: Kênh nạo vét → Chuẩn bị mặt bằng → Nạo vét kênh/rạch → Vật chất nạo vét dùng để san nền bờ kênh hoặc vận chuyển đến bãi đổ.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

a) Các tác động môi trường chính:

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Bụi và khí thải: phát sinh từ quá trình vận chuyển vật chất nạo vét và các thiết bị máy móc; từ quá trình đào đắp và tập kết vật chất nạo vét; từ hoạt động của máy móc thiết bị.

+ Mùi hôi từ các bãi đổ vật chất nạo vét (dọc hai bên bờ hoặc các bãi đổ).

+ Tiếng ồn từ quá trình xây dựng và vận hành các thiết bị máy móc.

+ Chất thải dạng lỏng: phát sinh từ nước thải sinh hoạt của công nhân trên công trường; từ hoạt động rửa máy móc thiết bị (nước thải xây dựng) và phát sinh do nước mưa chảy tràn qua các nơi tập kết vật liệu, bãi đổ vật chất nạo vét.

+ Chất thải dạng rắn: phát sinh từ các hoạt động sinh hoạt của công nhân trên công trường; từ các hoạt động; phát sinh vật chất nạo vét.

+ Chất thải nguy hại: chất thải rắn nguy hại phát sinh từ quá trình thi công (giẻ lau nhiễm dầu nhớt thải, bóng đèn thải,..) và các chất thải lỏng nguy hại (dầu nhớt thải, dung môi thải,..).

+ Các tác động khác: tác động mâu thuẫn giữa công nhân và địa phương; tác động việc cấp nước cho sinh hoạt và sản xuất; tác động giao thông; tác động đến hệ sinh thái; tác động đến kinh tế - xã hội tại địa phương.

+ Các rủi ro, sự cố môi trường: sự cố sạt lở, lún sụt; sự cố tai nạn lao động; sự cố rò rỉ chất thải nguy hại; sự cố tràn dầu; sự cố cháy nổ; sự cố tai nạn lao động; rủi ro từ dịch bệnh Covid-19.

- Giai đoạn vận hành:

+ Sự cố xói lở, các biến cố rạn nứt, sụt lở đường bờ

+ Lắng đọng phù sa

b) Quy mô, tính chất chất thải phát sinh từ dự án

TT	Tác động/rủi ro	Quy mô và tính chất của chất thải	Mức độ tác động
1	Suy giảm chất lượng không khí: tăng lượng bụi, khí thải, mùi hôi	- Bán kính ảnh hưởng khoảng 200-300m từ tâm vị trí thi công công trình. - Tính chất dự án là nạo vét dưới nước nên bụi phát sinh được đánh giá là nhỏ và thời gian tác động chỉ kéo dài trong thời đoạn trong giai đoạn xây dựng.	Nhỏ
2	Tiếng ồn	- Bán kính ảnh hưởng khoảng 50-100m từ tâm khu vực thi công. - Tác động tạm thời, gián đoạn và thời gian tác động chỉ kéo dài trong thời gian xây dựng	Nhỏ
3	Suy giảm chất lượng nước thải	- Có thể ảnh hưởng đến chất lượng nước mặt, nước ngầm xung quanh khu vực dự án, nhất là vào những ngày mưa to, gây ngập úng. - Tác động tạm thời, gián đoạn và thời gian tác động chỉ kéo dài trong thời đoạn xây dựng.	Trung bình
4	Phát sinh chất thải rắn	- Ảnh hưởng đến chất lượng nước mặt, kết cấu của đất do hoạt động xây dựng và sinh hoạt của công nhân - Tác động tạm thời, và chỉ xảy ra trong thời gian xây dựng.	Trung bình
5	Phát sinh chất thải nguy hại	- Ảnh hưởng đến chất lượng nước mặt, chất lượng đất do rò rỉ chất thải nguy hại như dầu nhớt, lưu huỳnh ở nơi tập kết và các hoạt động thi công. - Tác động tạm thời, gián đoạn và thời gian tác động chỉ xảy ra trong giai đoạn xây dựng.	Trung bình
6	Nguy cơ ngập úng, bồi lắng cục bộ	- Ảnh hưởng đến chất lượng nước mặt trong khu vực dự án, ảnh hưởng đến cơ sở hạ tầng của lòng kênh, rạch. - Tác động tiêu cực, chỉ xảy ra tạm thời	Trung bình

TT	Tác động/rủi ro	Quy mô và tính chất của chất thải	Mức độ tác động
		trong quá trình xây dựng	
7	Sạt lở đất và xói mòn	- Ảnh hưởng đến cấu trúc dòng kênh, bán kính sạt lở ảnh hưởng đến người dân xung quanh hai bên bờ kênh thi công hạng mục nạo vét. - Tác động tiêu cực, phải quan sát trong thời gian lâu dài trong quá trình vận hành.	Trung bình

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

a) Giai đoạn thi công xây dựng:

- Về bụi và khí thải: Bụi, khí thải từ quá trình giảm thiểu tác động từ hoạt động máy móc, thiết bị; từ quá trình hoạt động vận chuyển; giảm mùi hôi do quá trình nạo vét: được nêu tại mục 3.1.2.3 Chương 3 của báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

- Về nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt: Bố trí các nhà vệ sinh di động tại các công trường để thu gom, xử lý. Khi bể tự hoại đầy sẽ thuê đơn vị chức năng xử lý theo quy định.

+ Nước thải từ việc vệ sinh máy móc, thiết bị: được thu gom qua các hố lắng (hố thu gom) tách chất rắn lơ lửng trước khi chảy vào kênh. Hạn chế việc vệ sinh máy móc, thiết bị tại công trình thi công.

- Về chất thải rắn:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Được thu gom, phân định, phân loại và phối hợp đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 04 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 05 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

+ Chất thải rắn xây dựng: Thu gom và xử lý theo quy định tại Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16 tháng 5 năm 2017 của Bộ Xây dựng quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng.

+ Vật chất từ quá trình nạo vét: Được thu gom về các bãi đổ (vị trí của các bãi đổ được nêu tại mục 1.1.4.3 Chương 1 của báo cáo đánh giá tác động môi trường) và được bố trí cách xa bờ kênh và dọc theo khu vực đổ có bố trí rãnh thu gom nước cho chảy vào các hố thu chứa tạm thời để không chảy tràn ra môi trường xung quanh.

- Về chất thải nguy hại: Bố trí các thùng chứa tại các khu vực chứa tạm

chất thải nguy hại. Thực hiện quản lý theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 06 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

- Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Lịch thi công đặt ra phù hợp phù hợp với tiêu chuẩn cho phép QCVN 26:2010/BTNMT, được nêu tại mục 3.1.2.4 Chương 3 của báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

- Biện pháp giảm thiểu tác động sạt lở, bồi lắng: Trong quá trình thi công, phải thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá bồi lắng, sạt lở các hạng mục (xây mới cống, nạo vét,...). Nếu phát hiện sạt lở cần phải gia cố khu vực sạt lở bằng cừ tràm, rọ đá, trải vải địa kỹ thuật kết hợp đổ đất (đá). Nếu phát hiện bồi lắng cần phải thu gom, nạo vét để đảm bảo theo yêu cầu thiết kế của công trình

- Biện pháp ứng phó sự cố trong thi công: được nêu tại mục 3.1.2.15 Chương 3 của Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

b) Giai đoạn vận hành:

- Kiểm soát chế độ thủy văn: đảm bảo yêu cầu về tiêu nước, đảm bảo yêu cầu cấp nước, không làm ảnh hưởng xấu đến môi trường và đặc biệt là không làm "co hẹp" dòng chảy quá nhiều so với điều kiện hiện trạng, khả năng tải nước lớn nhất và không làm ảnh hưởng đến các công trình xung quanh.

- Kiểm soát tác động từ hoạt động giao thông: được nêu tại điểm a mục 3.2.2.2 Chương 3 của báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

- Kiểm soát tác động do xung đột trong việc sử dụng nước: được nêu tại điểm a mục 3.2.2.4 Chương 3 của báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

- Công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

+ Phòng ngừa nguy cơ xảy ra sự cố trong vận hành: Tuân thủ các quy định về vận hành, kiểm định và sửa chữa kịp thời, định kỳ của các thiết bị.

+ Phòng ngừa nguy cơ sự cố sạt lở: Kiểm tra, đánh giá các hạng mục công trình của dự án thường xuyên, nhất là bờ kênh nhằm xác định vị trí sạt lở, bồi lắng để có giải pháp phòng chống, nạo vét kịp thời.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

Stt	Tên hạng mục, công trình	Quy mô, số lượng
1	Nhà vệ sinh di động	Thuê 24 nhà vệ sinh di động
2	Thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt	24-27 thùng chứa 50 lít
3	Thùng chứa chất thải rắn xây dựng	24-27 thùng chứa 200 lít
4	Thùng chứa chất thải nguy hại	27 thùng chứa 50 lít

5	Hố lắng nước thải vệ sinh máy móc, thiết bị	10 hố lắng, thể tích $3m^3$
6	Bãi đổ vật chất nạo vét	Tổng khối lượng vật chất nạo vét là $1.063.600m^3$; vị trí các bãi đổ được nêu tại mục 1.1.4.3 Chương 1 của báo cáo đánh giá tác động môi trường

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Dự án

a) Giai đoạn xây dựng:

- Giám sát chất lượng không khí xung quanh:

+ Thông số giám sát: TSP, NO_2, SO_2, CO, tiếng ồn.

+ Vị trí giám sát: Đại diện giám sát 03 vị trí tại công trường thi công hạng mục rạch Kiến, kênh Tổng Châu – Hội Đồng Huyền, rạch Gò Gừa.

+ Tần suất giám sát: 01 tháng/ 01 lần.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

- Giám sát chất lượng nước mặt:

+ Thông số giám sát: pH, BOD_5, COD, DO, TSS, Nitrat (NO_3^- tính theo N), Phosphat (PO_4^{3-} tính theo P), Clorua (Cl^-), tổng dầu mỡ, Coliform.

+ Vị trí giám sát: 10 vị trí thi công (từng vị trí công trường hạng mục).

+ Tần suất giám sát: 01 tháng/ 01 lần.

+ Quy chuẩn so sánh: theo QCVN 08-MT:2015/BTNMT, cột B1 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

- Giám sát về chất thải rắn:

+ Vị trí giám sát: Khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt, khu vực bãi đổ, khu vực chất thải nguy hại.

+ Các chỉ tiêu giám sát: Khối lượng phát sinh, thành phần và phân loại chất thải.

+ Quy định áp dụng: Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16 tháng 5 năm 2017 của Bộ Xây dựng quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng; Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 04 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 05 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 06 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

b) Giai đoạn vận hành: Giám sát sạt lở bờ kênh:

- Quan sát hai bên bờ kênh về tình trạng và đánh giá, dự báo nguy cơ sạt lở bờ.

- Vị trí giám sát: dọc theo các tuyến kênh, rạch đang thi công.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/ 01 lần (thời gian giám sát trong 03 năm sau khi dự án đưa vào vận hành) và khi có hiện tượng sạt lở.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án.